**Đề số 1:**

**Câu 1:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ của nước ta giáp với các nước

A**.** Trung Quốc và Cam-pu-chia. B**.** Trung Quốc và Lào.

C**.** Lào và Thái Lan. D**.** Lào và Cam-pu-chia.

**Câu 2:** Vào mùa đông, miền Bắc nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của

A**.** gió mùa Đông Bắc. B**.** gió Đông Nam.

C**.** gió Tây. D**.** gió mùa Tây Nam.

**Câu 3:** Dựa vào lược đồ vùng Bắc Trung Bộ Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học. cho biết vị trí địa lí vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa gì?

A. Phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng.

B. Cầu nối giữa các vùng kinh tế phía Bắc và phía Nam của đất nước.

C. Thuận lợi khai thác kinh tế biển đảo.

D. Phát huy thế mạnh của các cửa khẩu sang đất nước Lào.

**Câu 4:** Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là

A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình

B. chịu tác động rất lớn của biển

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ

D. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, ***không có*** tỉnh nào sau đây?

A. Lạng Sơn. B. Tuyên Quang. C. Cao Bằng. D. Hà Giang

**Câu 6:** Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có tiềm năng thuỷ điện lớn nhất cả nước là do

A. khí hậu có mưa nhiều, sông đầy nước quanh năm.

B. địa hình dốc, sông nhỏ nhiều thác ghềnh.

C. sông ngòi có lưu lượng nước lớn, địa hình dốc.

D. mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều phù sa.

**Câu 7:** Tiềm năng thủy điện của nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng

A.Đông Nam BộB.Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C.Tây NguyênD.Bắc Trung Bộ

**Câu 8:** Để khắc phục những khó khăn về nông nghiệp, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã có những giải pháp nào?

A. Mở rộng diện tích đất trồng cây công nghiệp, trồng rừng phòng hộ.

B. Xây dựng hồ chứa nước chống hạn phòng lũ, trồng rừng phòng hộ.

C. Đẩy mạnh chế biến và xuất khẩu hải sản, bảo vệ môi trường.

D. Thâm canh tăng diện tích cây trồng, xây dựng hệ thống tưới tiêu.

**Câu 9:** Một trong những thế mạnh trong nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là phát triển  
 A. cây công nghiệp lâu năm, cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả nhiệt đới  
 B. cây lương thực, cây thực phẩm, cây đặc sản vụ đông.  
 C. cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả, trồng rừng.  
 D. cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.  
**Câu 10:** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam, NXB Giáo dục. Tỉnh nào sau đây ***không thuộc*** vùng Đồng bằng sông Hồng?  
 A. Vĩnh Phúc. B. Quảng Ninh.

C. Hưng Yên. D. Nam Định.

**Câu 11:** Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

A. sông Hồng và sông Thái Bình B. sông Hồng và sông Đà

C. sông Hồng và sông Cầu D. sông Hồng và sông Lục Nam

**Câu 12:** Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

A. đất phù sa màu mỡ

B. nguồn nước mặt phong phú

C. có một mùa đông lạnh

D. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển

**Câu 13:** Ngành công nghiệp trọng điểm không phải của Đồng bằng sông Hồng là

A. công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

B. công nghiệp khai thác khoáng sản

C. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dung

D. công nghiệp cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng

**Câu 14:** Hai trung tâm công nghiệp hàng đầu ở Đồng bằng sông Hồng là

A. Hà Nội và Vĩnh Yên B. Hà Nội và Hải Dương

C. Hà Nội và Hải Phòng D. Hà Nội và Nam Định

**Câu 15:** Ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để sản xuất muối là do

A. bờ biển có nhiều vụng, đầm phá.

B. bờ biển dài và vùng biển sâu nhất nước ta.

C. nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có ít sông nhỏ đổ ra biển.

D. biển nông, không có sông suối đổ ra ngoài biển.

**Câu 16:** Cho bảng số liệu: Dân số Việt Nam Giai đoạn 2011 – 2015

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
| Dân số(nghìn người) | 88 809,3 | 89 759,5 | 90 728,9 | 91 731,3 |

Biểu đồ nào dưới đây thích hợp thể hiện quy mô dân số nước ta ?

A. Biểu đồ hình tròn B. Biểu đồ cột

C. Biểu đồ miền D. Biểu đồ đường biểu diễn

**Câu 17:** Ven biển miền Trung các loại thiên tai thường xảy ra và gây khó khăn cho sản xuất và đời sống dân cư là

1. bão, gió Phơn khô nóng, lũ lụt, rét đậm, rét hại, sạt lở bờ biển.
2. mưa đá, rét đậm, rét hại, sương muối, mưa bão, sạt lở đất
3. bão, gió Phơn khô nóng, lũ lụt, sạt lở bờ biển, cát bay xâm lấn đồng ruộng
4. sương muối, rét đậm, lốc xoáy, gió Phơn khô nóng, sạt lở đất.

**Câu 18:** Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là

A. cơ sở hạ tầng tháp kém

B. mật độ dân cư thấp

C. thiên tai thường xuyên xảy ra

D tài nguyên khoáng sản hạn chế

**Câu 19:** Vào thời kì đầu mùa hạ, Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của loại gió nào?

A. Gió mùa Đông nam. B. Gió Phơn (gió Lào).

C. Gió Tín phong. D. Gió mùa Đông Bắc.

**Câu 20:** Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm là

A. phân hóa rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam

B. phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây

C. dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn

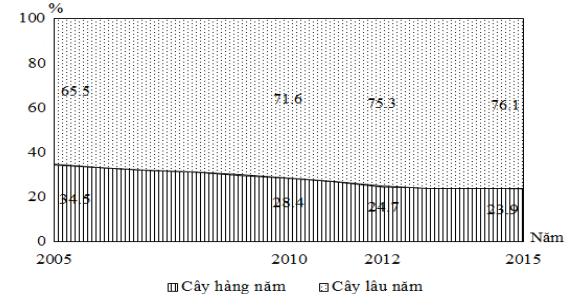
D. nguồn lao động dồi dào tập trung ở các thành phố, thị xã

**Câu 21:** Loại cây công nghiệp được trồng nhiều ở vùng đất cát pha duyên hải vùng Bắc Trung Bộ là

A. cây lúa và hoa màu B. cây lạc và vừng

C. cây cao su và cà phê D. cây thực phẩm và cây ăn quả

**Câu 22 :** Cho biểu đồ



Hãy cho biết biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?  
 A. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta.  
 B. Sự chuyển biến giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành hoạt động.  
 C. Quy mô giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành hoạt động.  
 D. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành hoạt động.

**Câu 23:** Vùng đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh phát triển ngành kinh tế nào?

A. Chăn nuôi đại gia súc và trồng cây công nghiệp lâu năm.

B. Trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm.

C. Trồng rừng bảo vệ môi trường sinh thái.

D. Chăn nuôi đại gia súc và trồng cây lương thực, thực phẩm.

**Câu 24:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết đường số 9 chạy qua tỉnh nào sau đây?  
 A. Quảng Trị. B. Thanh Hóa.

C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

**Câu 25:** Dựa vào Atlat trang 21, trung tâm công nghiệp Vinh bao gồm các ngành nào sau đây ?

A. Cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản.

B. Điện tử, dệt may, đóng tàu, chế biến nông sản.

C. Luyện kim màu, hoá chất phân bón, chế biến thực phẩm.

D. Sản xuất giấy xenlulo, luyện kim đen, đóng tàu.

**Câu 26:** Duyên hải Nam Trung Bộ ***không*** tiếp giáp với vùng kinh tế nào?

A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ

C. Tây Nguyên. D. Đồng bằng sông Củ Long

**Câu 27:** Việc trồng rừng ven biển và rừng ngập mặn ở Bắc Trung Bộ ***không có*** tác dụng

A. chắn gió, chắn bão.

B. hạn chế tác hại của lũ đầu nguồn.

C. ngăn không cho cát bay, cát chảy.

D. chắn sóng, nuôi trồng thuỷ sản.

**Câu 28:** Tây Nguyên có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng là do

A. vùng là cửa ngõ cho duyên hải Nam Trung Bộ mở rộng quan hệ với Lào và Campuchia.

B. vị trí nằm tiếp giáp với vùng Đông Nam Bộ.

C. ngã ba biên giới tiếp giáp với Lào và Campuchia.

D. đây là vùng duy ở nước ta không giáp biển.

**Câu 29:** Các loại cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Tây Nguyên là

A. Mía, đậu tương, thuốc lá, lạc. B. Cà phê, cao su, chè, điều

C. Bông, lạc, hồ tiêu, dừa D. Thuốc lá, đậu tương, dừa, hồ tiêu.

**Câu 30:** Các ngành công nghiệp phát triển khá mạnh ở Tây Nguyên là

A. Công nghiệp khai khoáng B. Sản xuất vật liệu xây dựng.

C. Chế biến nông-lâm sản. D. Sản xuất hàng tiêu dùng

**Câu 31:** Tây Nguyên với Trung du miền núi Bắc Bộ giống nhau ở đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

A. Cùng có nhiều đất đỏ badan.

B. Cùng có nhiều đất feralit trên đá vôi.

C. Sông suối có nhiều tiềm năng thuỷ điện.

D. Cùng chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc.

**Câu 32:** Dân số nước ta đông và tăng nhanh gây ra hậu quả.

A. Sức ép đối với kinh tế, xã hội và môi trường.

B. Chất lượng cuộc sống của người dân giảm.

C. Hiện tượng ô nhiễm môi trường gia tăng.

D. Tài nguyên ngày càng cạn kiệt,xã hội bất ổn.

**Câu 33:** Biểu hiện nào cho thấy trình độ đô thị hoá của nước ta còn thấp?

A. Cả nước rất ít đô thị đặc biệt.

B. Cơ sở hạ tầng đô thị còn hạn chế.

C. Dân thành thị chiếm tỉ lệ thấp.

D. Mạng lưới đô thị phân bố không đều.

**Câu 34:** Ý nào dưới đây ***không phải*** là hướng giải quyết việc làm ở nước ta?  
 A. Phân bố lại dân cư và lao động.

B. Khuyến khích sinh viên đi du học.  
C. Thực hiện tốt chính sách dân số.

D. Xuất khẩu lao động, hợp tác đầu tư

**Câu 35:** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

C. Kinh tế cá thể được thùa nhận và ngày càng phát triển.

D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

**Câu 36:** Nông nghiệp nước ta mang tính mùa vụ vìA. tài nguyên đất nước ta phong phú, có cả đất phù sa lẫn đất feralit.

B. nước ta có thể trồng được từ các loại cây nhiệt đới cho đến một số cây cận nhiệt và ôn đới.

C. khí hậu cận nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa theo mùa.

D. lượng mưa phân bố không đều trong năm .

**Câu 37:** Sự phân hóa của của khí hậu đã ảnh hưởng lớn đến phát triển nông nghiệp của nước ta. Điều đó được thể hiện ở

A. việc áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng.

B. việc phòng chống thiên tai, sâu bệnh là nhiệm vụ quan trọng

C. cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp khác nhau giữa các vùng.

D. tính bấp bênh của nền nông nghiệp nhiệt đới .

**Câu 38**: Cho bảng số liệu sau.

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005-2015 *(Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2010** | **2014** | **2015** |
| Khai thác | 1 987,9 | 2 414,4 | 2 920,4 | 3 049,9 |
| Nuôi trồng | 1 478,9 | 2 728,3 | 3 412,8 | 3 532,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2005-2015?

A. Khai thác tăng, nuôi trồng giảm.

B. Khai thác tăng nhiều hơn nuôi trồng.

C. Khai thác và nuôi trồng đều tăng.

D. Khai thác giảm, nuôi trồng tăng.

**Câu 39:** Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là

A. tạo sự đa dạng sinh học.

B. điều hoà nguồn nước, hạn chế lũ của các sông.

C. điều hoà khí hậu, chắn gió bão.

D. cung cấp gỗ và lâm sản quý.

**Câu 40:** Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành

A. công nghiệp dầu khí

B. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

C. công nghiệp cơ khí và hoá chất.

D. công nghiệp điện tử

**HẾT!**